

Hướng dẫn áp dụng các mã nguồn gốc CITES



Ấn bản lần thứ nhất: Tháng 2 năm 2017

Được thực hiện theo hợp đồng với Ban thư ký CITES bởi Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN), Rue Mauverney 28, 1196 Gland, Thụy Sĩ.

Biên soạn: Jessica A. Lyons, Daniel J. D. Natusch và Robert W. G. Jenkins.

Được xuất bản với sự hỗ trợ tài chính của Liên minh châu Âu

Việc sao chép ấn phẩm này nhằm mục đích giáo dục hoặc phi thương mại khác đều được phép mà không cần sự cho phép trước của người sở hữu quyền tác giả.

Việc sao chép để bán lại hoặc nhằm các mục đích thương mại khác bằng bất cứ phương tiện nào – chụp ảnh, điện tử hoặc máy móc, bao gồm sao chụp, ghi âm, ghi hình hoặc các hệ thống lưu trữ và truy xuất thông tin - đều bị nghiêm cấm nếu không có sự cho phép trước bằng văn bản của người sở hữu quyền tác giả.

Các chỉ dẫn địa lý được sử dụng trong tài liệu này không ngụ ý thể hiện bất cứ ý kiến nào của những người biên soạn hoặc Ban thư ký CITES đối với tình trạng pháp lý của bất cứ quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc khu vực nào, hoặc đối với việc phân định ranh giới hoặc biên giới của chúng.

Ban thư ký CITES

Maison internationale de l'environnement

Chemin des Anémones

CH-1219 Châtelaine, Genève

Thụy Sĩ

ĐT: +41 (0) 22 917 8139/40

Fax: +41 (0) 22 797 34 17

E-mail: info@cites.org

Web: www.cites.org

1.0 Bối cảnh và Giới thiệu

Vai trò của Công ước Buôn bán quốc tế các loài động vật và thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) là để điều chỉnh buôn bán quốc tế về những loài động vật và thực vật thuộc các Phụ lục CITES nhằm đảm bảo không đe dọa đến sự tồn tại của chúng trong tự nhiên. Để đạt được điều này, quan trọng là các hệ thống quản lý được sử dụng để sản xuất những mẫu vật nhằm buôn bán quốc tế phải được xác định và hiểu một cách rõ ràng, và tác động của mỗi cách thức quản lý đối với quần thể hoang dã đều được đánh giá một cách phù hợp. Mỗi hệ thống quản lý có một mã nguồn gốc tương ứng được áp dụng trong giấy phép và chứng chỉ CITES, nó thông báo cho các nước thành viên CITES về hệ thống quản lý được sử dụng để sản xuất các mẫu vật và do đó sẽ áp dụng những điều khoản nào của Công ước. Ví dụ, mẫu vật được sinh ra trong tự nhiên có mã nguồn gốc "W" tức là hoang dã. Hiện có mười mã nguồn gốc được sử dụng để thể hiện nguồn gốc các mẫu vật của những loài thuộc Phụ lục CITES trong thương mại (được giải thích chi tiết tại Mục 2.0).

Để hỗ trợ các nước thành viên CITES áp dụng đúng các mã nguồn gốc để xuất khẩu các loài thuộc CITES, Quyết định 15.52 của Hội nghị các nước thành viên CITES lần thứ 15 (Doha, Qatar, 13-25 tháng 3 năm 2010) đã yêu cầu Ban thư ký CITES:

"... ký hợp đồng với một chuyên gia phù hợp để chuẩn bị một hướng dẫn nhằm tư vấn cho các nước thành viên CITES về việc sử dụng các mã nguồn gốc một cách thích hợp... được cung cấp cho Ủy ban Động vật và Thực vật để xem xét và đánh giá".

<http://www.cites.org/sites/default/files/eng/cop/16/doc/E-CoP16-48.pdf>

Về phần mình, Ban thư ký CITES ủy nhiệm cho IUCN thực hiện công việc này. Tài liệu này là kết quả công việc và nhằm mục đích hướng dẫn các nước thành viên CITES áp dụng mã nguồn gốc thích hợp cho các mẫu vật trong buôn bán quốc tế.

2.0 Các mã nguồn gốc hiện tại và Hệ thống sản xuất

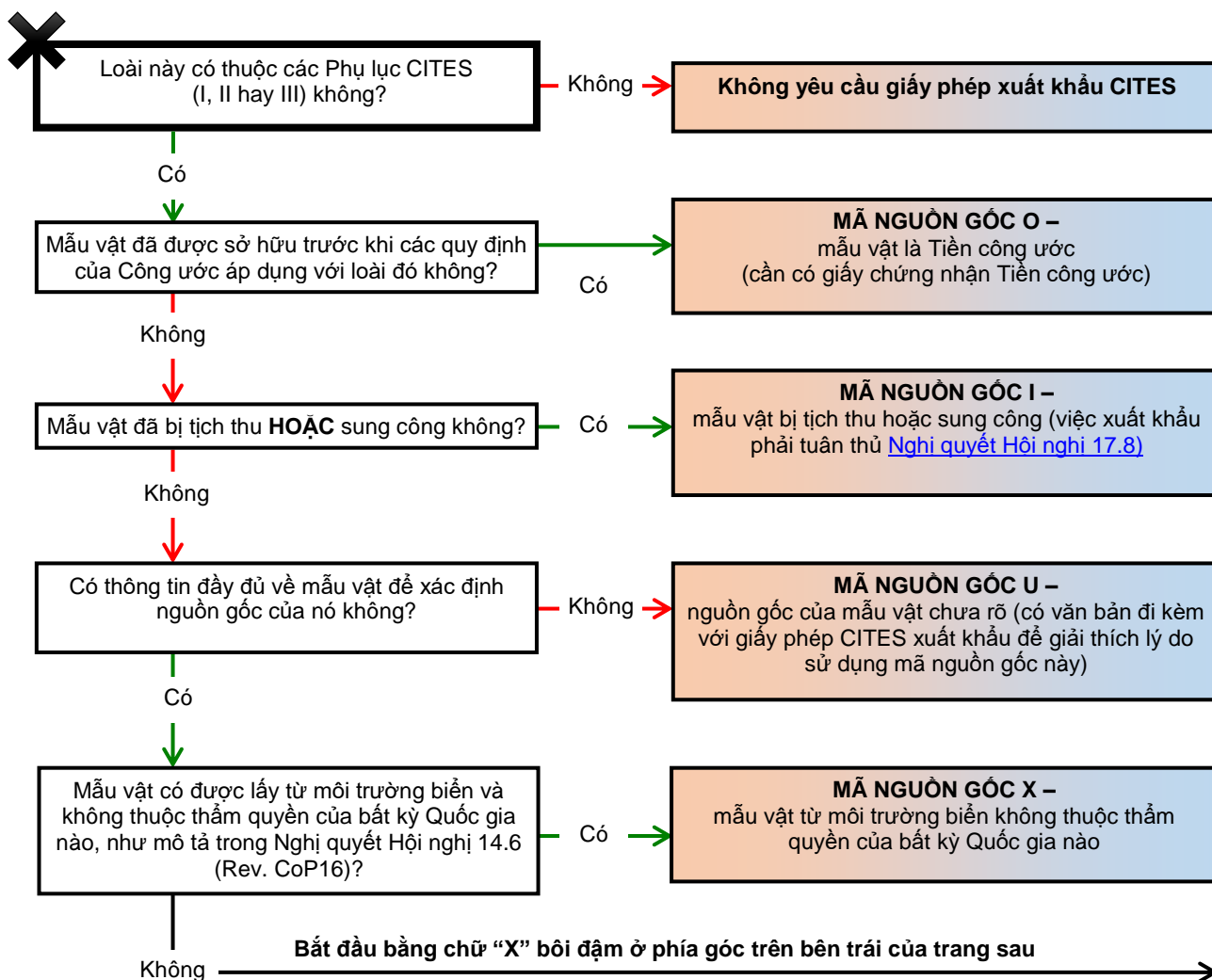
Định nghĩa của các mã nguồn gốc dưới đây được trích từ Nghị quyết Hội nghị 12.3 (Rev. CoP17) và trang web CITES. Để biết thêm về giải thích các thuật ngữ này, vui lòng xem mục Thuật ngữ CITES: <http://www.cites.org/eng/resources/terms/glossary.php>

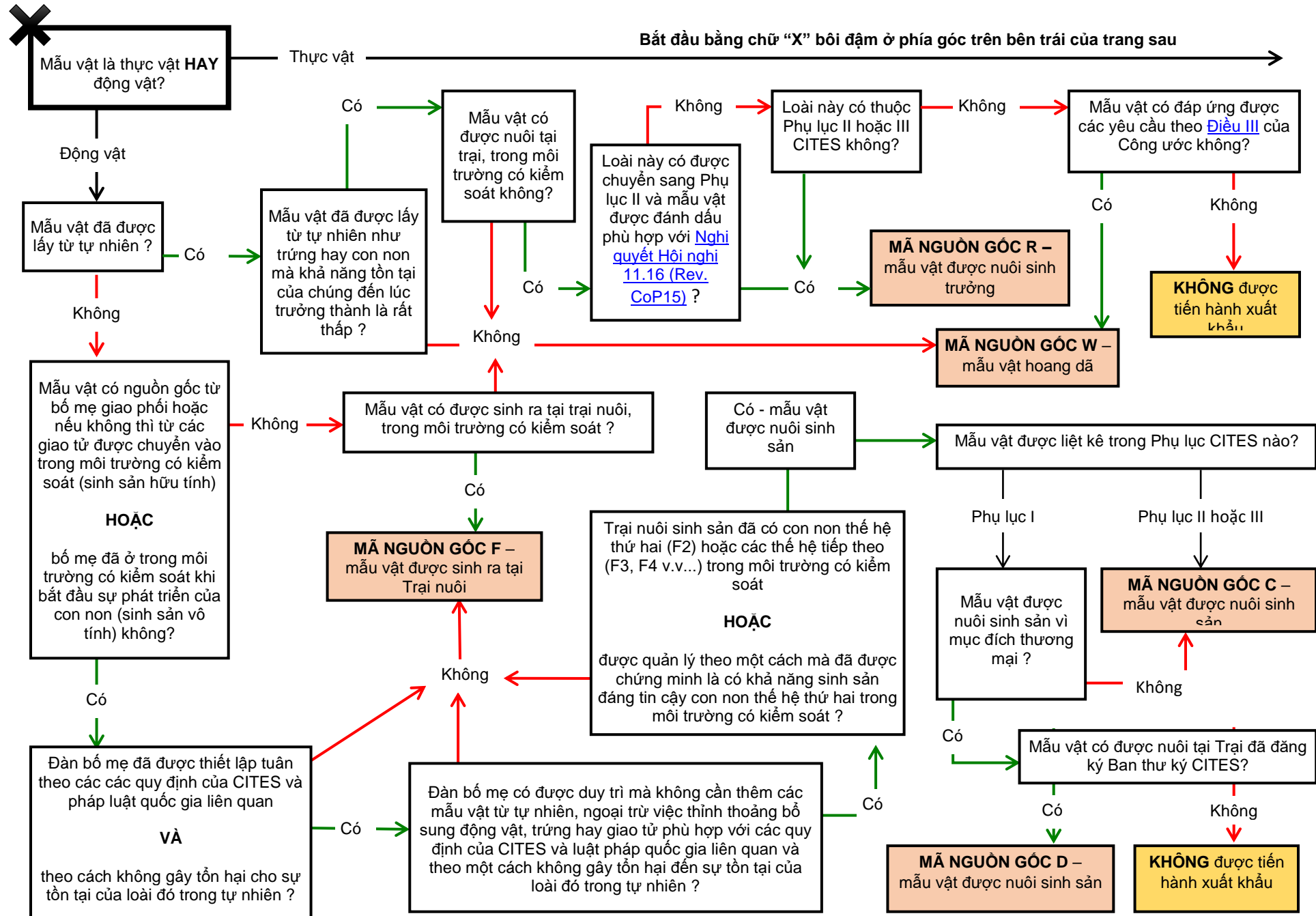
Mã nguồn gốc	Mô tả	Phụ lục CITES	Định nghĩa
W	Hoang dã	I, II, III	Các mẫu vật được lấy từ hoang dã.
X	Môi trường biển	I, II, III	Các mẫu vật được lấy từ môi trường biển không thuộc thẩm quyền của bất kỳ Quốc gia nào.
R	Động vật được nuôi sinh trưởng	I, II, III	Các mẫu vật được nuôi sinh trưởng trong môi trường có kiểm soát, với nguồn gốc là trứng hoặc các con non được lấy từ hoang dã, nơi mà nếu không lấy thì chúng có khả năng sống sót tới lúc trưởng thành rất thấp.
D	Động vật được nuôi sinh sản hoặc thực vật được trồng cấy nhân tạo	I	Động vật thuộc Phụ lục I được nuôi sinh sản vì mục đích thương mại tại những Cơ sở đã có trong Danh sách Đăng ký của Ban thư ký CITES, phù hợp với Nghị quyết Hội nghị 12.10 (Rev. CoP15) , và Thực vật thuộc Phụ lục I được trồng cấy nhân tạo vì mục đích thương mại, cũng như các bộ phận và dẫn xuất của chúng, được xuất khẩu theo quy định tại Điều VII, đoạn 4 , của Công ước.
A	Thực vật được trồng cấy nhân tạo	I, II, III	Thực vật được trồng cấy nhân tạo phù hợp với Nghị quyết Hội nghị 11.11 (Rev. CoP15) , cũng như các bộ phận và dẫn xuất của chúng, được xuất khẩu theo quy định tại Điều VII, đoạn 5 , (các mẫu vật của những loài thuộc Phụ lục I đã được trồng cấy nhân tạo vì mục đích phi thương mại và các mẫu vật của những loài thuộc Phụ lục II và III).
C	Nuôi sinh sản	I, II, III	Động vật được nuôi sinh sản phù hợp với Nghị quyết Hội nghị 10.16 (Rev.) , cũng như các bộ phận và dẫn xuất của chúng, được xuất khẩu theo các quy định của Điều VII, đoạn 5.
F	Sinh ra tại trại nuôi	I, II, III	Động vật sinh ra tại trại nuôi (thế hệ F1 hoặc tiếp theo) nhưng không đáp ứng định nghĩa về 'nuôi sinh sản' theo Nghị quyết Hội nghị 10.16 (Rev.) , cũng như các bộ phận và dẫn xuất của chúng.
U	Chưa rõ	I, II, III	Nguồn gốc của mẫu vật chưa rõ, nhưng phải được chứng minh.
I	Bị tịch thu hoặc sung công	I, II, III	Mẫu vật đã bị tịch thu hoặc sung công, mã nguồn gốc này phải được sử dụng kết hợp với một mã nguồn gốc khác.
O	Tiền công ước	I, II, III	Mẫu vật đã được sở hữu trước khi các quy định của Công ước áp dụng với loài đó. Nếu Cơ quan Quản lý cấp giấy chứng nhận, thì không cần giấy phép hay chứng chỉ nào theo các điều khoản của Công ước để cho phép xuất khẩu, nhập khẩu hoặc tái xuất khẩu.

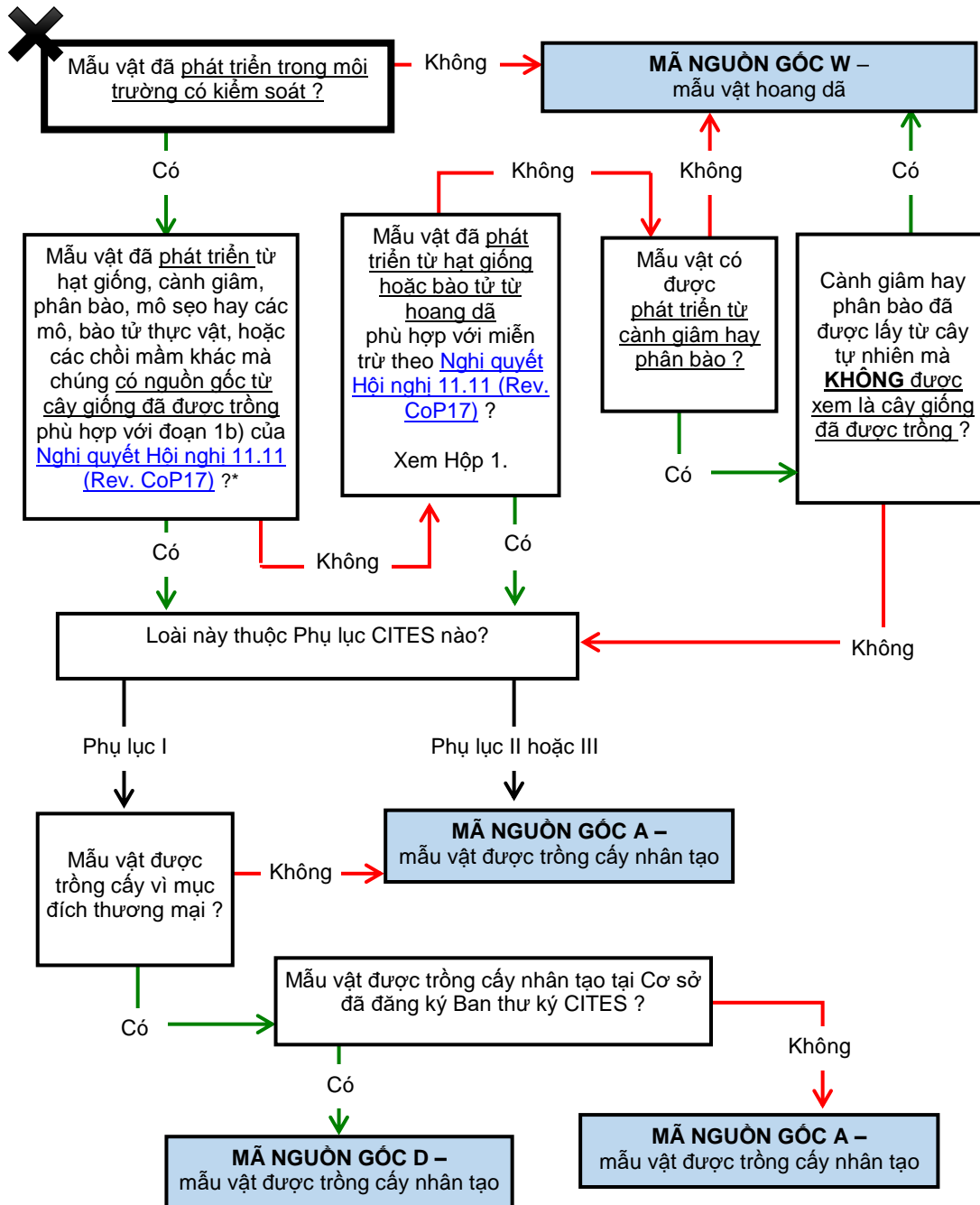
3.0 Khóa định danh các mã nguồn gốc

Khóa định danh các mã nguồn gốc được xây dựng để giúp các nước thành viên CITES áp dụng đúng mã nguồn gốc để xuất khẩu các mẫu vật của những loài thuộc CITES. Hướng dẫn về cách sử dụng khóa định danh này như sau:

1. Đối với buôn bán quốc tế cả thực vật và động vật, bao gồm các bộ phận và dẫn xuất của chúng, bắt đầu bằng chữ "X" bôi đậm ở phía dưới trang này.
2. Theo sau mỗi câu hỏi là các mũi tên "có" hoặc "không", dẫn đến ô câu hỏi tiếp theo cho đến khi hoàn thành với một ô được tô màu. Các ô được tô màu cho biết mã nguồn gốc CITES phải được áp dụng khi cấp giấy phép và chứng chỉ CITES cho mẫu vật.
3. Một số ô có dấu hoa thị, dẫn người dùng tới hướng dẫn thêm (trong Mục 4.0 đến 7.0) để xác định mã nguồn gốc.
4. Nếu vẫn không chắc chắn khi áp dụng mã nguồn gốc nào cho mẫu vật cụ thể, hãy tham vấn Ban thư ký CITES.
5. Cũng cần lưu ý rằng có nhiều trường hợp miễn trừ và các điều khoản đặc biệt được áp dụng cho các mẫu vật của loài thuộc CITES – **đường dẫn đến các Hướng dẫn về trường hợp miễn trừ và những điều khoản đặc biệt được nêu tại Mục 7.0 của tài liệu này.**
6. Những thông tin tương tự được hiển thị theo định dạng câu hỏi trong phần Phụ lục của hướng dẫn này (xem trang 12 "Sơ đồ theo định dạng câu hỏi").







Hộp 1. Các miễn trừ đối với thực vật phát triển từ hạt giống và bào tử
[Nghị quyết Hội nghị 11.11 [Rev. CoP17]]

Có thể chấp nhận miễn trừ và các mẫu vật được coi là trồng cây nhân tạo nếu chúng phát triển từ hạt giống hoặc bào tử được lấy từ tự nhiên, đối với các bậc phân loại liên quan, chỉ với điều kiện:

- a)
 - i) trong thực tiễn, việc thiết lập quần thể cây giống là rất khó bởi vì mẫu vật mất nhiều thời gian để thành thực sinh dục, như đối với nhiều loài cây;
 - ii) hạt giống hoặc bào tử được thu hoạch từ tự nhiên và phát triển trong điều kiện có kiểm soát trong phạm vi một Quốc gia có phân bố của loài đó, và cũng phải là nước xuất xứ của những hạt giống hoặc bào tử đó;
 - iii) Cơ quan Quản lý liên quan của Quốc gia đó đã xác định rằng việc thu hoạch hạt giống hoặc bào tử là hợp pháp và phù hợp với luật pháp quốc gia liên quan về bảo vệ và bảo tồn loài đó; và
 - iv) Cơ quan Khoa học liên quan của Quốc gia đó đã xác định rằng:
 - A. việc thu hoạch hạt giống hoặc bào tử không gây hại cho sự tồn tại của loài đó trong tự nhiên; và
 - B. việc cho phép buôn bán các mẫu vật đó có tác động tích cực đến sự bảo tồn những quần thể hoang dã;
- b) ở mức tối thiểu, tuân thủ các tiểu đoạn a) iv) A. và B. ở trên:
 - i) việc thu hoạch hạt giống hoặc bào tử cho mục đích này bị giới hạn theo cách ví dụ như cho phép tái sinh các quần thể hoang dã;
 - ii) một phần thực vật được sản xuất trong những điều kiện này được sử dụng để trồng lại nhằm tạo ra các quần thể cây giống trong tương lai và trở thành nguồn bổ sung hạt giống hoặc bào tử, và do đó loại trừ nhu cầu thu hoạch hạt giống hoặc bào tử từ tự nhiên; và
 - iii) một phần thực vật được sản xuất trong những điều kiện này được sử dụng để trồng lại trong tự nhiên, để tăng cường sự phục hồi của những quần thể hiện có hoặc tái tạo các quần thể đã bị tuyệt giống; và
- c) đối với các Cơ sở trồng cây nhân tạo loài thuộc Phụ lục I vì mục đích thương mại theo những điều kiện nêu trên, các Cơ sở đó đã được đăng ký với Ban thư ký CITES phù hợp với Nghị quyết Hội nghị 9.19 (Rev. CoP15) về Hướng dẫn đăng ký vườn ươm xuất khẩu các mẫu vật trồng cây nhân tạo các loài thuộc Phụ lục I.

* Các cây ghép [được] công nhận là trồng cây nhân tạo chỉ khi cả gốc ghép và bộ phận ghép được lấy từ các mẫu vật đã được trồng cây nhân tạo

4.0 Hướng dẫn bổ sung với việc áp dụng Mã nguồn gốc R

CITES định nghĩa thuật ngữ "nuôi sinh trưởng" là **việc nuôi các động vật trong môi trường có kiểm soát mà chúng phát triển từ trứng hoặc con non được lấy từ tự nhiên, nếu không lấy thì tại nơi đó chúng sẽ có khả năng sống sót rất thấp đến lúc trưởng thành**. Mặc dù đã sửa đổi để cụ thể hơn [[Nghị quyết Hội nghị 11.16 \(Rev. CoP15\)](#)], định nghĩa nuôi sinh trưởng vẫn chứa một số thuật ngữ mơ hồ, dễ diễn giải khác nhau và khai báo sai về nguồn gốc nếu không được định nghĩa đúng. Phần này cung cấp thêm thông tin để hỗ trợ các nước thành viên CITES trong việc áp dụng đúng mã nguồn gốc "R".

Điều gì tạo thành "khả năng sống sót rất thấp đến lúc trưởng thành" ?

Khả năng sống sót đến lúc trưởng thành là lý do cơ bản nhất khi quyết định liệu mẫu vật của một loài có thể là được nuôi sinh trưởng (như thuật ngữ được định nghĩa hiện tại của các nước thành viên CITES). Khả năng sống sót liên quan đến chiến lược sống mà một loài đã chọn lọc để tồn tại trong quá trình tiến hóa. Một số loài theo kiểu "chọn lọc r" (r-selected): chúng có số lượng con non rất nhiều, nhưng chỉ một tỷ lệ nhỏ sống sót đến lúc trưởng thành. Các loài khác theo kiểu "chọn lọc k" (k-selected): chúng có số lượng con non ít, nhưng mỗi cá thể có khả năng sống sót cao đến lúc trưởng thành. Ví dụ: rùa biển, cá sấu, cá có xương và hầu hết động vật không xương sống là những loài có kiểu "chọn lọc r", sinh sản lượng trứng lớn, nhưng chỉ có tỉ lệ nhỏ sống sót đến lúc trưởng thành. Mặt khác, những con non của các loài như voi và thú lớn họ Mèo là những loài theo kiểu "chọn lọc k" có khả năng sống sót đến lúc trưởng thành tương đối cao. Do đó, loại bỏ những con non của các loài theo kiểu "chọn lọc k" ra khỏi tự nhiên để gây nuôi có thể có tác động lớn hơn lên quần thể hoang dã so với việc loại bỏ các loài theo kiểu "chọn lọc r". Do đó, hệ thống nuôi sinh trưởng chỉ có thể áp dụng đối với trứng và con non của các loài nơi mà phần lớn những cá thể này trong hoang dã bị chết do các nguyên nhân tự nhiên (ví dụ: bị săn mồi, bệnh tật, môi trường v.v...)

Điều gì tạo thành 'nuôi sinh trưởng trong môi trường có kiểm soát' ?

Với mục đích áp dụng chính xác mã nguồn gốc "R", thuật ngữ "nuôi sinh trưởng" phải liên quan đến mức độ tăng trưởng và/hoặc phát triển của mẫu vật đã trải qua dưới tình trạng quản lý gây nuôi và chứ không nhất thiết theo khoảng thời gian đã sống trong tình trạng gây nuôi. Việc phân biệt này là điều quan trọng bởi vì sự đa dạng của các chiến lược sống giữa các bậc phân loại khác nhau. Ví dụ, một số động vật không xương sống có thể được xem là nuôi sinh trưởng chỉ sau hai tuần trong môi trường có kiểm soát bởi vì tốc độ phát triển nhanh chóng của chúng. Ngược lại, một số loài bò sát (ví dụ, các loài rùa cạn phát triển chậm) có thể đòi hỏi thời gian dài hơn đáng kể trong điều kiện quản lý gây nuôi trước khi chúng có thể được xem là nuôi sinh trưởng. Khi quyết định điều gì tạo thành nuôi sinh trưởng trong môi trường có kiểm soát, Cơ quan Quản lý, với sự tham vấn với Cơ quan Khoa học, phải xác định liệu:

- 1) Trại nuôi chủ động cung cấp những điều kiện cần thiết cho sự phát triển và khỏe mạnh của mẫu vật (ví dụ: chuồng nuôi, che bóng thích hợp, thức ăn, chăm sóc thú y v.v...) hoặc
- 2) Đơn giản là giữ mẫu vật chờ xuất khẩu.

Nếu Cơ quan Quản lý cho rằng trại nuôi đã cung cấp các điều kiện cần thiết cho sự tăng trưởng và phát triển, thì các mẫu vật lấy từ những cơ sở như vậy có thể được nuôi sinh trưởng. Tuy nhiên, nếu không cung cấp được những điều kiện như vậy, thì mẫu vật có thể là từ hoang dã. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng "nuôi trong môi trường có kiểm soát" không hàm ý rằng những cá thể động vật phải được quản lý trong tình trạng gây nuôi cho đến khi đạt tuổi trưởng thành để thỏa mãn định nghĩa về "nuôi sinh trưởng".

Hiểu thị trường

Một thông tin hữu ích khác để hướng dẫn việc áp dụng đúng mã nguồn gốc "R" là hiểu bản chất và đặc điểm của thị trường mà mẫu vật được sản xuất để cung cấp. Ví dụ, động vật sống để xuất khẩu trong buôn bán vật nuôi thường phải là con chưa trưởng thành hoặc mới sinh. Nói chung, những mẫu vật này không trải qua sự phát triển đáng kể trong môi trường có kiểm soát trước khi xuất khẩu và do đó không được xem là nuôi sinh trưởng. Ngược lại, những loài được xuất khẩu để buôn bán thịt hay da thường phải lớn hơn và do đó có nhiều

khả năng được nuôi trong môi trường có kiểm soát trong một thời gian dài nhằm đạt kích thước cơ thể theo yêu cầu thịnh hành của thị trường.

5.0 Hỗ trợ thêm đối với việc áp dụng mã nguồn gốc C

1. Khi đánh giá đề nghị xuất khẩu (các) mẫu vật của những loài thuộc Phụ lục CITES mà hồ sơ khai báo nguồn gốc là nuôi sinh sản, những điều cần nhắc dưới đây sẽ hỗ trợ việc xem xét liệu mẫu vật có đáp ứng được các yêu cầu của CITES về "nuôi sinh sản" hay không.
2. Đã chứng minh rằng mẫu vật được nuôi sinh sản phù hợp với định nghĩa tại [Nghị quyết Hội nghị 10.16 \(Rev.\)](#), để gán mã nguồn gốc đúng, cần phải xác định:
 - i. những loài này thuộc Phụ lục CITES nào; và
 - ii. mục đích của việc xuất khẩu (thương mại hay phi thương mại).
3. Nếu (các) mẫu vật là các loài thuộc Phụ lục I, đã được nuôi sinh sản, và vì mục đích thương mại - tham khảo trang web của CITES để xem liệu (các) mẫu vật này có bắt nguồn từ trại nuôi đã có trong Danh sách Đăng ký Trại nuôi sinh sản loài thuộc Phụ lục I vì mục đích thương mại của Ban thư ký CITES hay không <http://www.cites.org/eng/common/reg/cb/summary.html>
4. Nếu không có nghi ngờ rằng (các) mẫu vật này được bắt nguồn từ trại nuôi đã đăng ký CITES thì **ÁP DỤNG** mã nguồn gốc D.
5. Nếu có nghi ngờ, và người nộp hồ sơ không thể cung cấp bằng chứng đầy đủ để chứng minh rằng (các) mẫu vật này có nguồn gốc từ trại nuôi sinh sản đã đăng ký CITES, thì **KHÔNG ÁP DỤNG** mã nguồn gốc D. Trong trường hợp này, cần xem xét liệu thực tế (các) mẫu vật này đã được nuôi sinh sản hay không, được đánh bắt từ tự nhiên hay có nguồn gốc khác.
6. Nếu không có bằng chứng có thể xác minh rằng (các) mẫu vật đang đề cập này đã được nuôi sinh sản phù hợp với định nghĩa trong [Nghị quyết Hội nghị 10.16 \(Rev.\)](#) thì cần phải thận trọng và thực hiện thêm đánh giá chi tiết hơn.
7. Về mặt này, thông tin về những câu hỏi sau sẽ hỗ trợ việc xác định xem liệu trại nuôi có thỏa mãn định nghĩa về "nuôi sinh sản" trong [Nghị quyết Hội nghị 10.16 \(Rev.\)](#) hay không, qua đó cho phép Cơ quan Quản lý đưa ra quyết định sáng suốt về việc áp dụng mã nguồn gốc C, F hay từ chối hồ sơ cấp phép CITES:
 - i. Trại có được cấp phép gây nuôi các loài đang đề cập? Nếu không được cấp phép cho các loài hiện có, thì phải nghi ngờ tính hợp pháp của việc xuất khẩu.
 - ii. Trại nuôi đã đăng ký hoạt động và được cấp phép lần đầu khi nào (ngày, tháng, năm)?
 - iii. Có bao nhiêu giấy phép đã được cấp, trong khoảng thời gian nào, để thu hoạch mẫu vật từ tự nhiên, và có bao nhiêu cá thể đã được thu hoạch để thiết lập đàn vật nuôi ?
 - iv. Số lượng sinh sản hàng năm là bao nhiêu và dựa trên ý kiến khoa học độc lập về đặc điểm sinh học của các loài thì những số lượng này có khả thi đối với các loài đang đề cập không?
 - v. Tổng số cá thể của loài đang đề cập tại trại là bao nhiêu và đàn bố mẹ có bao nhiêu con đực và con cái trưởng thành?
 - vi. Trại nuôi đã được cán bộ của Cơ quan Khoa học và Cơ quan Quản lý kiểm tra chưa và có các báo cáo kiểm tra không?
8. Trường hợp có nghi ngờ về sự chính xác của mã nguồn gốc, nếu cần thiết, Cơ quan Quản lý của nước nhập khẩu, ngay lần đầu, phải tham vấn Cơ quan Khoa học của nước xuất khẩu để xem liệu loài này có được nuôi sinh sản một cách phổ biến hay không, trong thẩm quyền của Cơ quan Quản lý của nước xuất khẩu. Trường hợp chưa giải quyết được nghi ngờ, cần đưa vấn đề ra cho Ban thư ký CITES xem xét.

6.0 Những định nghĩa liên quan

Những định nghĩa này được trích từ trang web của CITES. Để tìm hiểu thêm, vui lòng xem phần Thuật ngữ tại trang web của CITES: <http://www.cites.org/eng/resources/terms/glossary.php>

<p>Trồng cây nhân tạo (đối với thực vật)</p>	<p>Các mẫu vật thực vật đã:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Được trồng cấy trong điều kiện có kiểm soát; và • Phát triển từ hạt giống, cành giâm, phân bào, mô sẹo hay các mô thực vật khác, các bào tử hoặc chồi mầm khác được miễn trừ theo các điều khoản của Công ước hoặc có nguồn gốc từ cây giống được trồng; • Hoặc, đối với các loài cho trầm, được trồng từ hạt giống, cây con, cây non, cành giâm, cành ghép, chiết cành, phân bào, các mô thực vật hoặc chồi mầm khác có nguồn gốc từ tự nhiên hoặc cây giống được trồng, theo định nghĩa về 'cây giống được trồng' trong Nghị quyết Hội nghị 11.11 (Rev. CoP17).
<p>Nuôi sinh sản (đối với động vật)</p>	<p>Động vật sinh ra hoặc nếu không thì được sản xuất trong môi trường có kiểm soát chỉ khi:</p> <ol style="list-style-type: none"> i) Động vật bố mẹ giao phối hoặc giao tử được chuyển vào môi trường có kiểm soát (nếu sinh sản hữu tính), hoặc nếu động vật bố mẹ ở trong môi trường có kiểm soát khi bắt đầu sự phát triển của con non (nếu sinh sản vô tính). ii) Để đáp ứng các yêu cầu của Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu, đàn bố mẹ: <ol style="list-style-type: none"> a) được thiết lập phù hợp với các điều khoản của CITES và luật pháp quốc gia liên quan và theo cách không tổn hại đến sự tồn tại của các loài đó trong tự nhiên; b) được duy trì mà không cần thêm các mẫu vật từ tự nhiên, ngoại trừ việc thỉnh thoảng bổ sung động vật, trứng hoặc giao tử phù hợp với các điều khoản của CITES và luật pháp quốc gia liên quan và theo cách không tổn hại đối với sự tồn tại của các loài đó trong tự nhiên, như theo tư vấn của Cơ quan Khoa học; <ol style="list-style-type: none"> 1. để ngăn chặn hoặc giảm thiểu giao phối cận huyết có hại, với mức độ bổ sung được xác định bởi nhu cầu về vật liệu di truyền mới; 2. để xử lý những động vật bị tịch thu phù hợp với Nghị quyết Hội nghị 17.8; hoặc 3. đặc biệt, để sử dụng làm đàn bố mẹ sinh sản; và c) <ol style="list-style-type: none"> 1. đã sản xuất con non thế hệ thứ hai (F2) hoặc các thế hệ tiếp theo (F3, F4 v.v...) trong môi trường có kiểm soát; hoặc 2. được quản lý theo cách thức đã được chứng minh là có khả năng sinh sản con non thế hệ thứ hai đáng tin cậy trong môi trường có kiểm soát.
<p>Đàn bố mẹ sinh sản</p>	<p>Toàn bộ động vật đã sử dụng để sinh sản trong trại nuôi</p>
<p>Môi trường có kiểm soát (đối với động vật)</p> <p>Điều kiện có kiểm soát (đối với thực vật)</p>	<p>Đối với động vật: môi trường được kiểm soát nhằm sản xuất một loài cụ thể, nó có ranh giới được thiết kế nhằm ngăn ngừa động vật, trứng hoặc bào tử của loài này xâm nhập vào hoặc phát tán ra khỏi môi trường đó, và đặc tính chung của môi trường này có thể bao gồm, nhưng không giới hạn ở, những việc như: chuồng trại nhân tạo; dọn dẹp chất thải; chăm sóc sức khỏe; bảo vệ khỏi những động vật săn mồi; và cung cấp thức ăn.</p> <p>Đối với thực vật: một môi trường phi tự nhiên có sự can thiệp mạnh mẽ của con người cho mục đích sản xuất cây. Đặc điểm chung của điều kiện có kiểm soát có thể bao gồm, nhưng không giới hạn ở, những việc như làm đất, bón phân, kiểm soát cỏ dại và bệnh hại, tưới tiêu, hoặc hoạt động ươm trồng như làm bầu đất, tạo luống hoặc bảo vệ khỏi thời tiết bất lợi.</p>

Cây giống được trồng (đối với thực vật)	<p>Toàn bộ thực vật đã phát triển trong điều kiện có kiểm soát được sử dụng để cung cấp giống, và phải đáp ứng yêu cầu của Cơ quan Quản lý CITES của nước xuất khẩu:</p> <ul style="list-style-type: none">• được thiết lập phù hợp với các quy định của CITES và pháp luật quốc gia liên quan và theo cách không tổn hại đến sự tồn tại của loài đó trong tự nhiên; và• được duy trì đủ số lượng để trồng cây nhằm giảm thiểu tối đa hoặc loại bỏ sự cần thiết phải bổ sung từ tự nhiên, nếu bổ sung thì chỉ là trường hợp ngoại lệ và được giới hạn ở mức cần thiết để duy trì sức sống và năng suất của cây giống được trồng.
--	---

7.0 Hướng dẫn bổ sung

Hướng dẫn về Giấy phép và Chứng chỉ CITES:

<http://www.cites.org/eng/disc/text.php#VI>

Hướng dẫn về Miễn trừ và các Điều khoản đặc biệt khác liên quan đến buôn bán:

<http://www.cites.org/eng/disc/text.php#VII>

Hướng dẫn về Nghị quyết Hội nghị 12.3 (Rev. CoP17) - Giấy phép và Chứng chỉ CITES:

<https://cites.org/sites/default/files/document/E-Res-12-03-R17.pdf>

Sơ đồ theo định dạng bảng câu hỏi

1. Loài này có thuộc các Phụ lục CITES (I, II hoặc III) không?

Có đi tới câu hỏi 2

Không không yêu cầu giấy phép xuất khẩu CITES

2. Mẫu vật có được sờ hữu trước khi điều khoản của Công ước áp dụng đối với loài đó không?

Có MÃ NGUỒN GỐC O

Không đi tới câu hỏi 3

3. Động vật có bị tịch thu HOẶC sung công ? Việc xuất khẩu phải tuân thủ [Nghị quyết Hội nghị 17.8](#)

Có MÃ NGUỒN GỐC I

Không đi tới câu hỏi 4

4. Có đủ thông tin về mẫu vật để xác định nguồn gốc của chúng không?

Có đi tới câu hỏi 5

Không MÃ NGUỒN GỐC U

5. Mẫu vật có được lấy từ môi trường biển, không thuộc thẩm quyền của bất kỳ Quốc gia nào không?

Có MÃ NGUỒN GỐC X

Không đi tới câu hỏi 6

6. Mẫu vật là thực vật HAY động vật?

Động vật đi tới câu hỏi 7

Thực vật đi tới câu hỏi 21

7. Mẫu vật đã được lấy từ tự nhiên ?

Có đi tới câu hỏi 8

Không đi tới câu hỏi 13

8. Mẫu vật đã phát triển từ trứng hay con non lấy từ tự nhiên mà khả năng sống sót của chúng đến lúc trưởng thành là rất thấp ?

Có đi tới câu hỏi 9

Không MÃ NGUỒN GỐC W

9. Mẫu vật đã được nuôi trong môi trường có kiểm soát ?

Có đi tới câu hỏi 10

Không MÃ NGUỒN GỐC W

10. Loài đó được chuyển vào Phụ lục II và mẫu vật được đánh dấu phù hợp với [Nghị quyết Hội nghị 11.16 \(Rev. CoP15\)](#) ?

Có MÃ NGUỒN GỐC R

Không đi tới câu hỏi 11

11. Mẫu vật là của loài thuộc Phụ lục CITES II hoặc III không?

Có MÃ NGUỒN GỐC R

Không đi tới câu hỏi 12

12. Mẫu vật có đáp ứng được các yêu cầu theo [Điều III](#) của Công ước không?

Có MÃ NGUỒN GỐC W

Không KHÔNG được tiến hành xuất khẩu

13. Mẫu vật có nguồn gốc từ bố mẹ giao phối hoặc nếu không thì giao tử được chuyển vào môi trường có kiểm soát (sinh sản hữu tính) HOẶC bố mẹ đã ở trong môi trường có kiểm soát khi bắt đầu sự phát triển con non (sinh sản vô tính)?

Có đi tới câu hỏi 15

Không đi tới câu hỏi 14

14. Mẫu vật được sinh ra tại trại nuôi, trong môi trường có kiểm soát không?

Có MÃ NGUỒN GỐC F

Không MÃ NGUỒN GỐC W

15. Đàn bố mẹ được thiết lập phù hợp với các điều khoản của CITES và luật pháp quốc gia liên quan VÀ theo cách không tổn hại đến sự tồn tại của loài đó trong tự nhiên?

Có đi tới câu hỏi 16

Không MÃ NGUỒN GỐC F

16. Đàn bố mẹ được duy trì mà không cần thêm mẫu vật từ tự nhiên, ngoại trừ việc thỉnh thoảng bổ sung động vật, trứng hoặc giao tử, phù hợp với các điều khoản của CITES và luật pháp quốc gia liên quan VÀ theo cách không tổn hại đến sự tồn tại của loài đó trong tự nhiên?

Có đi tới câu hỏi 17

No MÃ NGUỒN GỐC F

17. Đàn bố mẹ đã sinh ra con non thế hệ thứ hai (F2) hoặc các thế hệ tiếp theo (F3, F4 v.v...) trong môi trường có kiểm soát HOẶC được quản lý theo cách thức đã được chứng minh là có khả năng sinh sản con non thế hệ thứ hai đáng tin cậy trong môi trường có kiểm soát ?

Có, mẫu vật được nuôi sinh sản đi tới câu hỏi 18

Không MÃ NGUỒN GỐC F

18. Mẫu vật của loài thuộc Phụ lục CITES nào?

Phụ lục I đi tới câu hỏi 19

Phụ lục II hoặc III MÃ NGUỒN GỐC C

19. Mẫu vật được nuôi sinh sản vì mục đích thương mại?

Có đi tới câu hỏi 20

Không MÃ NGUỒN GỐC C

20. Mẫu vật được nuôi sinh sản tại Trại đã đăng ký với Ban thư ký CITES?

Có MÃ NGUỒN GỐC D

Không KHÔNG được xuất khẩu

21. Mẫu vật đã được trồng cấy trong điều kiện có kiểm soát?

Có đi tới câu hỏi 22

Không MÃ NGUỒN GỐC W

22. Mẫu vật đã được phát triển từ hạt giống, cành giâm, phân bào, các mô sẹo hoặc mô thực vật khác, các bào tử hoặc chồi mầm khác mà chúng có nguồn gốc từ cây giống được trồng phù hợp với đoạn 1b) của [Nghị quyết Hội nghị 11.11 \(Rev. CoP17\)](#) ?*

Có đi tới câu hỏi 26

Không đi tới câu hỏi 23

23. Mẫu vật có được trồng từ hạt giống hoặc bào tử được thu hoạch trong tự nhiên phù hợp với những miễn trừ theo [Nghị quyết Hội nghị 11.11 \(Rev. CoP17\)](#) không?

Có đi tới câu hỏi 26

Không đi tới câu hỏi 24

24. Mẫu vật có được trồng từ cành giâm hay phân bào không?

Có đi tới câu hỏi 25

Không MÃ NGUỒN GỐC W

25. Cành giâm hoặc phân bào có được lấy từ cây hoang dã mà KHÔNG được coi là cây giống được trồng?

Có MÃ NGUỒN GỐC W

Không đi tới câu hỏi 26

26. Loài này thuộc Phụ lục CITES nào?

Phụ lục I đi tới câu hỏi 27

Phụ lục II hoặc III MÃ NGUỒN GỐC A

27. Mẫu vật đã được trồng cấy vì mục đích thương mại?

Có đi tới câu hỏi 28

Không MÃ NGUỒN GỐC A

28. Mẫu vật đã được trồng cấy nhân tạo tại Cơ sở ươm trồng đã đăng ký với Ban thư ký CITES?

Có MÃ NGUỒN GỐC D

Không MÃ NGUỒN GỐC A

* Các cây ghép [được] công nhận là trồng cấy nhân tạo chỉ khi cả gốc ghép và bộ phận ghép được lấy từ các mẫu vật đã được trồng cấy nhân tạo